

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BỈM SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **857** /UBND-QLĐT

Bỉm Sơn, ngày **22** tháng 5 năm 2017

V/v sửa chữa đường Trần Hưng Đạo  
đoạn từ Đền Chín Giếng đến đường  
Nguyễn Đức Cảnh

Kính gửi:

- UBND các phường: Bắc Sơn, Ba Đình, Lam Sơn;
- Các đơn vị, doanh nghiệp có thường xuyên sử dụng tuyến đường Trần Hưng Đạo phục vụ sản xuất, kinh doanh.

Hiện nay, trên tuyến đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Đền Chín Giếng đến đường Nguyễn Đức Cảnh có chiều dài khoảng 1,5 km, mặt đường đã xuống cấp nghiêm trọng, phần lớn các tấm bê tông xi măng đã bị lún, nứt, gãy, tạo thành nhiều ổ trâu, ổ voi,...chất lượng mặt đường kém, gây nguy hiểm cho người và phương tiện khi tham gia giao thông qua đoạn đường này. Nguyên nhân chủ yếu là do trong những năm vừa qua nhiều doanh nghiệp có hoạt động vận chuyển trên tuyến đường này để vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu phục sản xuất và vận chuyển sản phẩm hàng hóa đi tiêu thụ.

Hiện nay, đoạn đường này đang tiếp tục xuống cấp nhanh và sẽ không thể tiếp tục sử dụng nếu không có biện pháp cải tạo sửa chữa kịp thời. Tuy nhiên, trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2021 của Tỉnh và Thị xã, tuyến đường này chưa được bố trí vốn đầu tư. Do vậy, để đảm bảo giao thông cho nhân dân thị xã và hoạt động chung của các doanh nghiệp; UBND Thị xã dự thảo phương án đầu tư và phương án huy động vốn đóng góp của các doanh nghiệp có sử dụng tuyến đường trên, thực hiện cải tạo sửa chữa, khi ngân sách nhà nước chưa cân đối được cho đầu tư tuyến đường này.

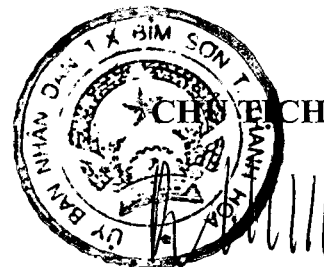
UBND thị xã Bỉm Sơn xin gửi tới các đơn vị, doanh nghiệp phương án sửa chữa cải tạo đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đền Chín Giếng đến đường Nguyễn Đức Cảnh) và dự kiến huy động vốn đóng góp để thực hiện, đề nghị các đồng chí Chủ tịch hội đồng quản trị, Giám đốc các doanh nghiệp; lãnh đạo các cơ quan, đơn vị nghiên cứu và góp ý kiến vào Phương án. UBND thị xã sẽ tổ chức Hội nghị mời Lãnh đạo các doanh nghiệp (dự kiến tổ chức cuối tháng 5 hoặc đầu tháng 6/2017) để cùng nhau bàn bạc thảo luận phương án tốt nhất, có tính khả thi nhất.

UBND Thị xã Bỉm Sơn rất mong nhận được sự quan tâm, tình cảm và sự thể hiện trách nhiệm cao của Các Doanh nghiệp để cùng chung tay giải quyết nội dung quan trọng này.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các đồng chí PCT UBND;
- Các phòng: QLĐT, TNMT, KT, TCKH;
- Lưu VT.



**Bùi Huy Hùng**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BÌM SƠN

Số: PA/UBND  
(Dự thảo PA.1)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bim Sơn, ngày tháng 5 năm 2017.

## PHƯƠNG ÁN

**Thực hiện sửa chữa cải tạo đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đền Chín Giếng đến đường Nguyễn Đức Cảnh).**

### 1. Lý do và sự cần thiết:

Tuyến đường Trần Hưng Đạo từ Quốc lộ 1A đến đường Lê Lợi có chiều dài khoảng 5,0km, trong đó:

+ Đoạn từ Quốc lộ 1A đến Đền Chín Giếng đã được Công ty CP Xi măng Bim Sơn và UBND thị xã Bim Sơn thực hiện cải tạo năm 2014 với chiều dài 865m, chất lượng mặt đường hiện trạng tốt.

+ Đoạn từ Đền Chín Giếng đến đường Nguyễn Đức Cảnh có chiều dài khoảng 1500m, có chiều rộng mặt đường 8,2m. Hiện nay mặt đường đã xuống cấp nghiêm trọng, các tấm bê tông xi măng đã bị lún, nứt, gãy, tạo thành các ổ trâu, ổ voi,... chất lượng mặt đường kém, gây nguy hiểm cho người và phương tiện khi tham gia giao thông qua đoạn đường này. Đoạn đường này đang tiếp tục có hiện tượng xuống cấp và sẽ không thể tiếp tục sử dụng nếu không có biện pháp cải tạo sửa chữa kịp thời.

+ Đoạn từ đường Nguyễn Đức Cảnh đến đường Lê Lợi dài khoảng 2635m, mặt đường BTXM rộng 8,0m; chất lượng mặt đường ở mức trung bình, đảm bảo giao thông.

Từ hiện trạng, trên việc đầu tư nâng cấp sửa chữa cải tạo đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đền Chín Giếng đến đường Nguyễn Đức Cảnh) là cần thiết và cấp bách hiện nay.

### 2. Đề xuất các phương án thực hiện sửa chữa cải tạo:

#### 2.1. Sơ bộ hiện trạng đoạn tuyến:

Đoạn từ Đền Chín Giếng đến đường Nguyễn Đức Cảnh có chiều dài khoảng 1500m, có chiều rộng mặt đường 8,2m. Mặt đường kết cấu BTXM chiều dày: 26,0cm, gồm có khoảng 550 tấm bê tông (theo bố trí khe co giãn, mỗi tấm có kích thước: 6,0m x 4,1m), qua khảo sát trên đoạn tuyến có khoảng 160 tấm bê tông còn sử dụng được chủ yếu tại đoạn phía trước khu vực công ty Tiến nông (mới chỉ vỡ góc, chưa bị lún, vỡ gãy tạo thành ổ trâu, ổ voi), còn khoảng 390 tấm đã bị lún, nứt vỡ gãy (bao gồm cả tấm đã nứt đôi, đường nứt rộng cần phải xử lý

nếu không sẽ dẫn đến hư hỏng cho cả tuyến đường) cần phải bóc dỡ xử lý, cải tạo, sửa chữa lại.

Diện tích phải sửa chữa lại là:  $390*6*4,1=9.594\text{ m}^2$ . (tương đương với 1200m)

## **2.2. Phương án sửa chữa cải tạo:**

### **a) Các tiêu chuẩn áp dụng:**

TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế.

TCVN 8858:2011 Móng cấp phối đá dăm và cấp phối thiên nhiên gia cố xi măng trong kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm thu.

TCVN 8859:2011 Móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu.

TCVN 9436:2012 Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu

TCVN3105:1993 ÷ TCVN3120:1993 Bê tông nặng - Các phương pháp xác định chỉ tiêu cơ lý;

Quyết định số 3230/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Ban hành quy định tạm thời về thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông

### **b) Phương án sửa chữa cải tạo:**

Được sử dụng cho loại đường với cấp quy mô giao thông nhẹ theo QĐ 3230/QĐ-BGTVT – tức là không có xe tải trọng nặng tham gia, hạn chế chỉ dùng cho xe 10T), các xe có tải trọng trên 10T tham gia trên tuyến đường Trần Nhân Tông đã thi công kéo dài đến nhà máy xi măng Long Sơn.

Lựa chọn kết cấu:

+ Móng cấp phối đá dăm lớp dưới dày 20cm,

+ Lớp cấp phối đá dăm lớp trên 18cm (không có gia cố 5% xi măng)

+ Mặt đường BTXM dày 22cm, mác 350.

(Thép truyền lực dùng loại fi 25)

*Phải đào bỏ xử lý phần đất nền đường đã bị lún hỏng do mặt đường hỏng và ngâm nước lâu ngày.*

**Khái toán chi phí thực hiện: 6.500.000.000 đồng**

*(có chi tiết kèm theo)*

*Ghi chú: Kinh phí thực hiện trên là khái toán theo phương án sơ bộ, khi thực hiện sẽ có khảo sát chi tiết hơn và có phương án xử lý tiết kiệm nhất để giảm chi phí đầu tư.*

## **2.3. Tổ chức thực hiện:**

### **a) Giải pháp thực hiện:**

Đây là tuyến đường chuyên dùng do Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn quản lý, trước đây chủ yếu phục vụ cho hoạt động vận tải của Nhà máy Xi măng

Bim Sơn. Tuy nhiên, trong những năm vừa qua nhiều doanh nghiệp đã có hoạt động vận chuyển trên tuyến đường này để vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu phục sản xuất và vận chuyển sản phẩm hàng hóa đi tiêu thụ; góp phần làm xuống cấp nhanh của tuyến đường. Hiện nay, toàn bộ hoạt động vận tải của Công ty xi măng Bim Sơn đã chuyển sang tuyến đường mới (đường do Công ty XM Bim Sơn đầu tư từ những năm trước, hiện nay đã được Tỉnh đầu tư nâng cấp); đồng thời hoạt động vận chuyển của nhiều doanh nghiệp đã chuyển sang đi đường mới.

Tuyến đường Trần Hưng Đạo sẽ được bàn giao cho Thị xã quản lý và chịu trách nhiệm đầu tư nâng cấp và duy tu bảo dưỡng. Trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2021 của Tỉnh và Thị xã, tuyến đường này không có trong danh mục đầu tư. Do vậy, để đảm bảo giao thông cho nhân dân thị xã trên tuyến đường này trong những năm tới, khi ngân sách nhà nước chưa cân đối được cho đầu tư tuyến đường này; UBND Thị xã lập phương án đầu tư và dự thảo phương án huy động vốn đóng góp của các doanh nghiệp có sử dụng tuyến đường trên, cùng chung tay thực hiện cải tạo sửa chữa.

Tùy thuộc vào mức độ sử dụng tuyến đường theo báo cáo khảo sát sơ bộ của UBND các xã phường, phòng Quản lý đô thị, phòng kinh tế và công an thị xã, UBND thị xã Bim Sơn dự kiến đề nghị các đơn vị sau đây có mức đóng góp để sửa chữa:

STT	Doanh nghiệp có sử dụng tuyến đường	Tỷ lệ đóng góp	Ghi chú
1	Công ty CP xi măng Bim Sơn	20%	
2	Nhà máy Xi măng Long Sơn	20%	
3	Công ty Cổ phần SXTM Lam Sơn	7%	
4	Công ty Gạch VIGLACERA	7%	
5	Công ty Huệ Anh	3%	
6	Công ty VauDe	3%	
7	Công ty CP Công nông nghiệp Tiến Nông	7%	
8	Công ty CP Bao Bì Bim Sơn	4%	
9	Công ty Quế Sơn	3%	
10	Doanh nghiệp Hồng Phượng	3,8%	
11	Công ty Trường Giang	2,5%	
12	Công ty Phú Quang	2%	
13	Công ty Gia Phát	2,7%	
14	Doanh nghiệp Hương Yên	2%	
15	Doanh nghiệp Gia Long	2%	

16	Công ty Đức Cường	3%	
17	Doanh nghiệp Tiến Hà	2,5%	
18	Doanh nghiệp Hiền Cường	2%	
19	Công ty 405 (sx bê tông)	2%	
20	Công ty Việt Thắng	2%	Thuê lại của Quang Vinh sản xuất

\* Các đơn vị trên là những đơn vị có sử dụng tuyến đường để vận chuyển nguyên vật liệu vào sản xuất và hàng hóa xuất đi qua tuyến đường.

Trên cơ sở đó, dự kiến phương án huy động thực hiện như sau:

**Bảng phương án huy động nguồn lực thực hiện**

ST T	Doanh nghiệp có sử dụng tuyến đường	Tỷ lệ đóng góp	Kinh phí đóng góp	Khối lượng tương đương	
1	2	3	4=5+6	5	6
1	Công ty CP xi măng Bim Sơn	20%	1.300.000.000	405T XMPC40	796.000.000
2	Nhà máy Xi măng Long Sơn	20%	1.300.000.000	405T XMPC40	796.000.000
3	Công ty Cổ phần SXTM Lam Sơn	7%	455.000.000		455.000.000
4	Công ty Gạch VIGLACERA	7%	455.000.000		455.000.000
5	Công ty Huệ Anh	3%	195.000.000		195.000.000
6	Công ty VauDe	3%	195.000.000		195.000.000
7	Công ty CP Công nông nghiệp Tiến Nông	7%	455.000.000		455.000.000
8	Công ty CP Bao Bì Bim Sơn	4%	260.000.000		260.000.000
9	Công ty Quế Sơn	3%	195.000.000	1550m <sup>3</sup> đá 1x2	-
10	Doanh nghiệp Hồng Phượng	4%	260.000.000	2500m <sup>3</sup> đá cấp phối	-
11	Công ty Trường Giang	2%	130.000.000	8 tấn thép	40.000.000
12	Công ty Phú Quang	2%	130.000.000		130.000.000
13	Công ty Gia Phát	3%	195.000.000	1773m <sup>3</sup> đá cấp phối	-
14	Doanh nghiệp Hương Yên	2%	130.000.000		130.000.000
15	Doanh nghiệp Gia Long	2%	130.000.000		130.000.000
16	Công ty Đức Cường	3%	195.000.000		195.000.000

17	Doanh nghiệp Tiến Hà	2%	130.000.000	8 tấn thép	40.000.000
18	Doanh nghiệp Hiền Cường	2%	130.000.000		130.000.000
19	Công ty 405 (sx bê tông)	2%	130.000.000		130.000.000
20	Công ty Việt Thắng	2%	130.000.000		130.000.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>6.500.000.000</b>		<b>4.662.000.000</b>

**b) Hình thức thực hiện:**

Các đơn vị sử dụng chung tuyến đường được dự kiến huy động thực hiện trên có thể đóng góp kinh phí bằng tiền hoặc đóng góp bằng vật liệu để thực hiện (như dự kiến trong bảng). Trong các đơn vị trên, nếu đơn vị nào có đủ năng lực thực hiện thi công thì đảm nhiệm thi công trực tiếp hoặc thuê 1 đơn vị nhà thầu trên địa bàn thị xã Bim Sơn thực hiện và các đơn vị liên quan tham gia giám sát quá trình thực hiện.

Với hình thức này có thể tiết kiệm tối đa các chi phí liên quan: Chi phí quản lý dự án, chi phí giám sát, chi phí bảo hiểm, chi phí hạng mục chung, chi phí kiểm toán, quyết toán, và một vài thành phần trong chi phí xây dựng (nhà thầu sẽ thi công xây dựng trên tinh thần ủng hộ, được cung cấp vật liệu và ứng tiền để thực hiện), dự kiến chi phí sẽ giảm khoảng 17%. Tức là tổng chi phí khái toán thực hiện còn khoảng: 5.500.000.000 đồng;

Vậy dự kiến huy động thực tế sẽ là:

**Bảng phương án huy động nguồn lực thực hiện (theo hình thức tự đóng góp và thực hiện)**

ST T	Doanh nghiệp có sử dụng tuyến đường	Tỷ lệ đóng góp	Kinh phí đóng góp	Khối lượng tương đương	
1	Công ty CP xi măng Bim Sơn	20%	1.100.000.000	405T XMPC40	596.000.000
2	Nhà máy Xi măng Long Sơn	20%	1.100.000.000	405T XMPC40	596.000.000
3	Công ty Cổ phần SXTM Lam Sơn	7%	385.000.000		385.000.000
4	Công ty Gạch VIGLACERA	7%	385.000.000		385.000.000
5	Công ty Huệ Anh	3%	165.000.000		165.000.000
6	Công ty VauDe	3%	165.000.000		165.000.000
7	Công ty CP Công nông nghiệp Tiến Nông	7%	385.000.000		385.000.000
8	Công ty CP Bao Bì Bim Sơn	4%	220.000.000		220.000.000
9	Công ty Quế Sơn	3%	165.000.000	1300m3 đá 1x2	-
10	Doanh nghiệp Hồng Phượng	4%	220.000.000	2300m3 đá cấp phối	-

11	Công ty Trường Giang	2%	110.000.000	8 tấn thép	
12	Công ty Phú Quang	2%	110.000.000		110.000.000
13	Công ty Gia Phát	3%	165.000.000	1500m3 đá cấp phối	-
14	Doanh nghiệp Hương Yên	2%	110.000.000		110.000.000
15	Doanh nghiệp Gia Long	2%	110.000.000		110.000.000
16	Công ty Đức Cường	3%	165.000.000		165.000.000
17	Doanh nghiệp Tiến Hà	2%	110.000.000	8 tấn thép	
18	Doanh nghiệp Hiền Cường	2%	110.000.000		110.000.000
19	Công ty 405 (sx bê tông)	2%	110.000.000		110.000.000
20	Công ty Việt Thắng	2%	110.000.000		110.000.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>5.500.000.000</b>		<b>3.722.000.000</b>

UBND thị xã Bim Sơn xây dựng phương án Thực hiện sửa chữa cải tạo đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đền Chín Giếng đến đường Nguyễn Đức Cảnh) đề nghị các đồng chí lãnh đạo các cơ quan, đơn vị nghiên cứu và góp ý kiến vào Phương án. UBND thị xã sẽ tổ chức Hội nghị mời Lãnh đạo các doanh nghiệp (dự kiến tổ chức cuối tháng 5 hoặc đầu tháng 6/2017) để cùng nhau thảo luận phương án tốt nhất, có tính khả thi nhất./.

**Nơi nhận:**

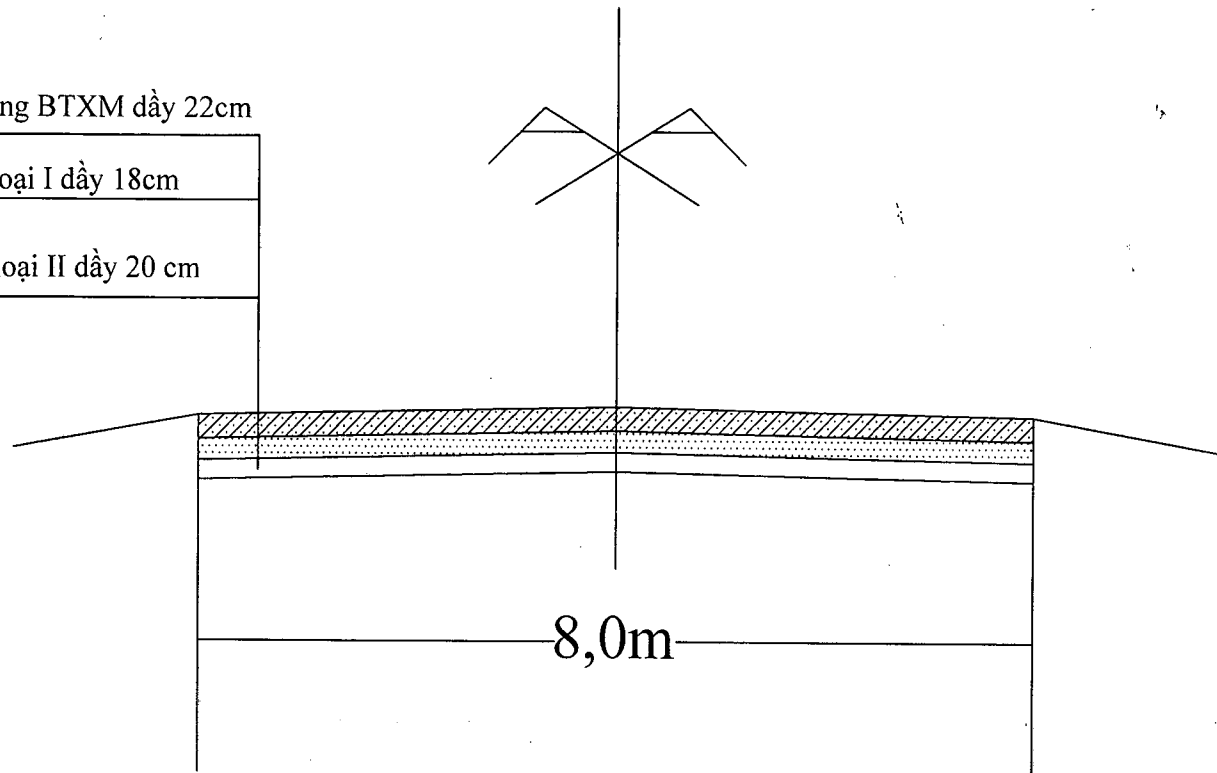
- Các đơn vị có danh sách trên;
- Các phòng: QLĐT, TNMT,KT, TCKH
- Công an thị xã;
- UBND các phường: Bắc Sơn, Ba Đình.
- Lưu;

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Huy Hùng**



Lớp mặt đường BTXM dày 22cm  
Lớp móng CPĐD loại I dày 18cm  
Lớp móng CPĐD loại II dày 20 cm



KẾT CẤU ĐIỂN HÌNH SỬA CHỮA  
ĐƯỜNG TRẦN HƯNG ĐẠO (PA1)



**BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (PA.1)**

(Căn cứ theo bảng 1.1 TT 06/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016)

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO SỬA CHỮA ĐƯỜNG TRẦN HƯNG ĐẠO ĐOẠN TỪ ĐẾN CHÍN GIÉNG ĐẾN ĐƯỜNG NGUYỄN ĐỨC CẢNH

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư							
2	Chi phí xây dựng							Ggpm
2.1	Chi phí xây dựng công trình chính				4.971.199.711	497.119.971	5.468.319.682	Gxd
	Hạng mục 1			Theo bảng tổng hợp dự toán chi phí XD	4.971.199.711	497.119.971	5.468.319.682	
					4.971.199.711	497.119.971	5.468.319.682	
3	Chi phí thiết bị			Theo bảng tổng hợp chi phí TB				Gtb
4	Chi phí quản lý dự án	2,259%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	112.299.401	11.229.940	123.529.341	Gqla
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				248.808.546	24.880.855	273.689.401	Gtv
5.1	Chi phí khảo sát địa chất							
5.2	Chi phí khảo sát địa hình							
5.3	Chi phí lập dự án đầu tư			(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ				
5.3	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	2,443%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	121.446.409	12.144.641	133.591.050	
5.13	Chi phí giám sát thi công xây dựng	2,562%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	127.362.137	12.736.214	140.098.351	
6	Chi phí khác				294.491.295	29.449.129	323.940.424	Gk
6.1	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ							
6.2	Chi phí bảo hiểm công trình	0,3%		Gxd trước thuế x tỷ lệ				
6.3	Chi phí hạng mục chung			Theo bảng tổng hợp chi phí hạng	198.847.988	19.884.798	218.732.786	
6.6	Chi phí kiểm toán độc lập (Thông tư 09/2016/TT-BTC)	1,416%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	95.643.307	9.564.331	105.207.638	
7	Chi phí dự phòng							
7.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	5%		(Gxd+Gtb+Gqla+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ			309.473.942	Gdp
							309.473.942	
	<b>Tổng cộng</b>				<b>5.626.798.953</b>	<b>562.679.895</b>	<b>6.498.952.790</b>	<b>Gxdct</b>
	<b>Làm tròn</b>						<b>6.498.953.000</b>	



## BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ HẠNG MỤC CHUNG

(Căn cứ theo bảng 2.3 TT 06/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016)

**CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO SỬA CHỮA ĐƯỜNG TRẦN HUNG ĐẠO ĐOẠN TỪ ĐẾN CHÍN GIÉNG ĐẾN ĐƯỜNG NGUYỄN ĐỨC CẢNH**

STT	HẠNG MỤC CHUNG	TỶ LỆ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công		99.423.994	9.942.399	109.366.393	Cnt
1.1	Hạng mục 1	2%	99.423.994	9.942.399	109.366.393	
2	Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế		99.423.994	9.942.399	109.366.393	Ckkl
2.1	Hạng mục 1	2%	99.423.994	9.942.399	109.366.393	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>198.847.988</b>	<b>19.884.798</b>	<b>218.732.786</b>	Chmc

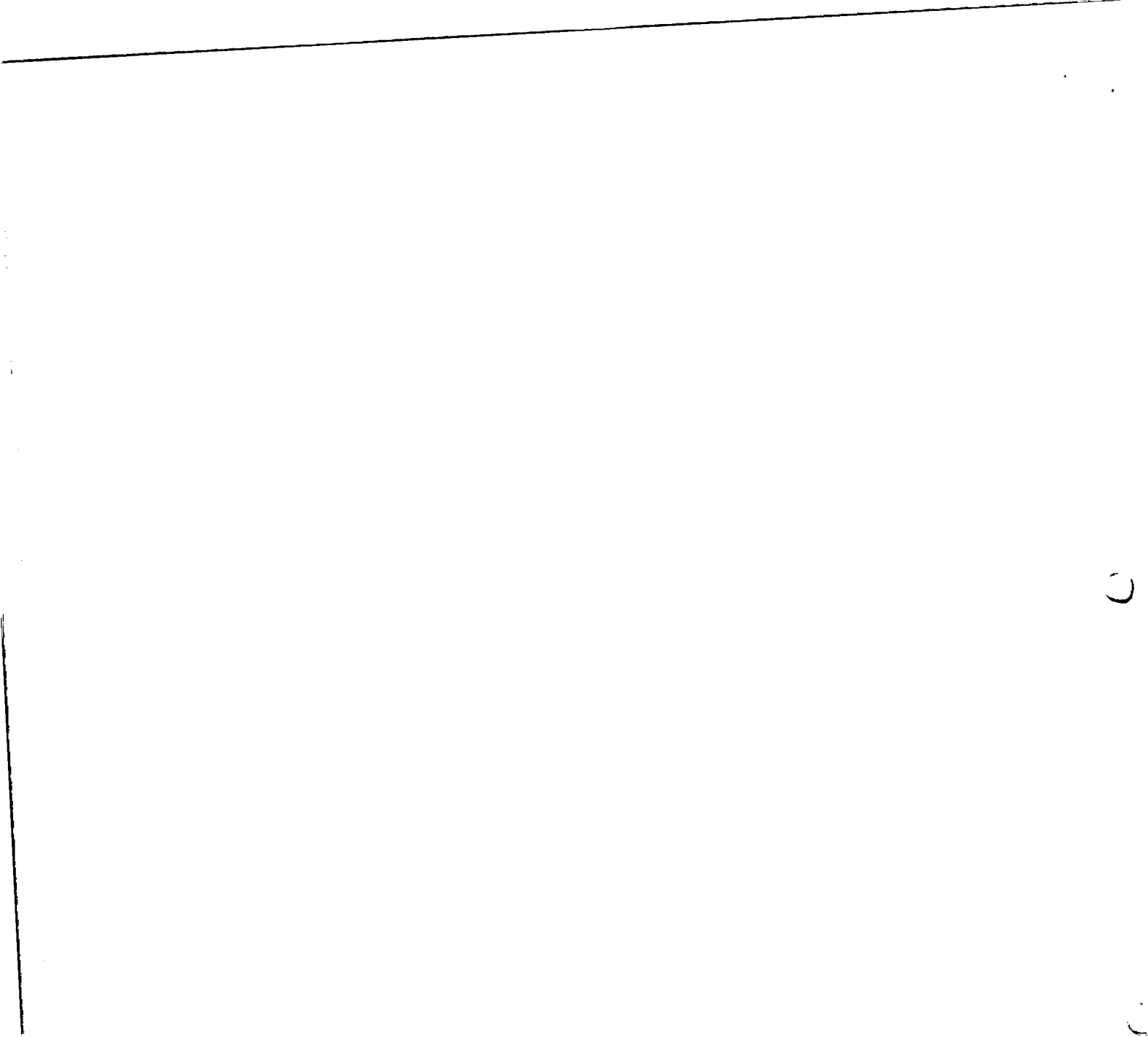
0

0

**BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN HẠNG MỤC****CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO SỬA CHỮA ĐƯỜNG TRẦN HUNG ĐẠO ĐOẠN TỪ ĐẾN CHÍN GIỀNG ĐẾN ĐƯỜNG NGUYỄN ĐỨC CẢNH**

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	<b>Chi phí vật liệu</b>	<b>(VLG + CLVL)</b>	<b>2.445.855.014</b>	<b>VL</b>
	- Đơn giá vật liệu gốc	Theo bảng tính toán, đo bóc khối lượng công trình	2.572.422.066	VLG
	- Chênh lệch giá vật liệu	Theo bảng tổng hợp vật liệu và chênh lệch giá	-126.567.052	CLVL
2	<b>Chi phí nhân công</b>	<b>BNC</b>	<b>1.273.176.522</b>	<b>NC</b>
	- Đơn giá nhân công gốc	Theo bảng tính toán, đo bóc khối lượng công trình	1.181.559.894	NCG
	- Chênh lệch giá nhân công	Theo bảng tổng hợp nhân công và chênh lệch giá	91.616.628	CLNC
	- Hệ số điều chỉnh nhân công	$(NCG + CLNC) \times 1$	1.273.176.522	BNC
3	<b>Chi phí máy thi công</b>	<b>BM</b>	<b>726.286.993</b>	<b>M</b>
	- Đơn giá máy thi công gốc	Theo bảng tính toán, đo bóc khối lượng công trình	746.767.640	MG
	- Chênh lệch giá máy thi công	Theo bảng tổng hợp máy thi công và chênh lệch giá	-20.480.647	CLM
	- Hệ số điều chỉnh máy thi công	$(MG + CLM) \times 1$	726.286.993	BM
	<b>Chi phí trực tiếp</b>	<b>VL + NC + M</b>	<b>4.445.318.529</b>	<b>T</b>
II	CHI PHÍ CHUNG	$T \times 5,5\%$	244.492.519	C
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	$(T + C) \times 6\%$	281.388.663	TL
	<b>Chi phí xây dựng trước thuế</b>	<b>T + C + TL</b>	<b>4.971.199.711</b>	<b>G</b>
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	$G \times 10\%$	497.119.971	GTGT
	<b>Chi phí xây dựng sau thuế</b>	<b>G + GTGT</b>	<b>5.468.319.682</b>	<b>Gxd</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>Gxd</b>	<b>5.468.319.682</b>	
	<b>Làm tròn</b>		<b>5.468.320.000</b>	





**BẢNG TÍNH TOÁN, ĐO BÓC KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH**  
**CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO SỬA CHỮA ĐƯỜNG TRẦN HUNG ĐẠO ĐOẠN TỪ ĐẾN CHÍN GIỀNG ĐẾN ĐƯỜNG NGUYỄN ĐỨC CẢNH**

STT	Mã hiệu công tác	Danh mục công tác đo bóc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá			Thành tiền			
					Vật liệu	Nhân công	Máy thi công	Vật liệu	Vật liệu phụ	Nhân công	Máy thi công
1	AA.22112	Phá dỡ kết cấu bê tông không cốt thép, búa cần (95% khối lượng) $1200*0,26*8,2*0,95 = 2.430,48$	m3	2.430,4800		92.842	160.512			225.650.624	390.121.206
2	AB.31134	Phá dỡ kết cấu bê tông mặt đường băng máy đào (5%KL) $1200*0,26*8,2*0,05/100 = 1,2792$	100m3	1,2792		1.144.470	1.184.270			1.464.006	1.514.918
3	AB.31133	Đào nền đường, máy đào $\leq 1,25$ m3, máy ủi $\leq 110$ CV, đất C3 (tạm tính 80% phải xử lý theo mặt đường) $((1200*0,8)*0,35*8,2)/100 = 27,552$	100m3	27,5520		986.083	885.643			27.168.559	24.401.236
4	AB.41454	Vận chuyển đất, ô tô 22T tự đổ, phạm vi = 1000 m, đất C4 $(2558,4+2755,2)/100 = 53,136$	100m3	53,1360			1.024.026				54.412.646
5	AB.42254	Vận chuyển đất 1000 m tiếp theo, ô tô 22T, cự ly = 3km, đất C4 $53,136 = 53,136$	100m3/1 km	53,1360			1.208.061				64.191.529
6	AD.11212	Làm móng cấp phối đá dăm lớp dưới đường làm mới dày 20cm $1200*0,8*0,2*8,2/100 = 15,744$	100m3	15,7440	20.164.000	784.126	1.870.071	317.462.016		12.345.280	29.442.398
7	AD.11222	Làm móng cấp phối đá dăm lớp trên đường làm mới dày 18cm $1200*0,8*0,18*8,2/100 = 14,1696$	100m3	14,1696	21.300.000	884.655	1.781.364	301.812.480		12.535.207	25.241.215
8	AL.16210	Rải giấy dầu lớp cách ly $1200*8,0/100 = 96$	100m2	96,0000	673.344	219.106		64.641.024		21.034.176	
9	AF.69210	Sản xuất thanh truyền lực, thanh truyền lực khe co, giãn f125 (6m/1khe; 1khe 9md thép) $1800*3,85/1000 = 6,93$	tấn	6,9300	11.958.818	7.649.801	68.078	82.874.609		53.013.121	471.781
10	AF.69220	Sản xuất thanh truyền lực khe dọc (thanh sắt dài 50cm, bố trí khoảng 30cm 1 thanh) $1200/0,3*0,5*3,85/1000 = 7,7$	tấn	7,7000	11.395.858	5.348.285	85.098	87.748.107		41.181.795	655.255
11	AF.15415	Bê tông mặt đường SX bằng máy trộn, đổ thủ công, dày 22cm, M300, PC40, đá 1x2 $1200*0,22*8 = 2.112$	m3	2.112,0000	803.786	365.926	74.013	1.697.596.032		772.835.712	156.315.456
12	AF.81211	Ván khuôn gỗ nền, mặt đường bê tông, $1200*0,22*2/100 = 5,28$	100m2	5,2800	3.842.386	2.714.283		20.287.798		14.331.414	
	<b>THM</b>	<b>TỔNG HẠNG MỤC</b>						<b>2.572.422.066</b>		<b>1.181.559.894</b>	<b>746.767.640</b>

0

0

## BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU VÀ CHÊNH LỆCH GIÁ

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO SỬA CHỮA ĐƯỜNG TRẦN HƯNG ĐẠO ĐOẠN TỪ ĐỀN CHÍN GIÉNG ĐẾN ĐƯỜNG NGUYỄN ĐỨC CẢNH

STT	Mã hiệu	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Giá gốc	Giá thông báo	Chênh lệch	Tổng chênh
1	V71327	Cấp phối đá dăm 0,075 - 50mm (lớp dưới)	m3	2.235,6480	142.000	110.000	-32.000	-71.540.736
2	V71328	Cấp phối đá dăm 0,075 - 50mm (lớp trên)	m3	2.012,0832	150.000	120.000	-30.000	-60.362.496
3	V00112	Cát vàng	m3	989,2608	128.700	190.000	61.300	60.641.687
4	V05207	Đá 1x2	m3	1.887,7056	186.700	160.000	-26.700	-50.401.740
5	V00269	Giấy dầu	m2	10.752,0000	6.000	6.000		
6	V05604	Gỗ đà chống	m3	2,8512	2.954.545	3.100.000	145.455	414.721
7	V00395	Gỗ làm khe co dãn	m3	29,5680	5.000.000	3.100.000	-1.900.000	-56.179.200
8	V00402	Gỗ ván	m3	3,8808	2.954.545	3.100.000	145.455	564.482
9	V00492	Nhựa đường	kg	7.392,0000	13.650	11.124	-2.526	-18.672.192
10	V00494	Nước	lít	400.488,0000	6	6		
11	V71446	Thép tròn D<=18 mm	kg	7.854,0000	10.847	11.007	160	1.256.640
12	V71451	Thép tròn D>=18 mm	kg	7.276,5000	10.847	11.009	162	1.178.793
13	V00761	Xi măng PC40	kg	809.635,2000	1.163	1.245	82	66.390.086
14	V00750	Vật liệu khác	%					142.903
		<b>Cộng vật liệu:</b>						<b>-126.567.052</b>

0

0

## BẢNG TỔNG HỢP NHÂN CÔNG VÀ CHÊNH LỆCH GIÁ

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO SỬA CHỮA ĐƯỜNG TRẦN HUNG ĐẠO ĐOẠN TỪ ĐẾN CHÍN GIỀNG ĐÊN ĐƯỜNG NGUYỄN ĐỨC CẢNH

*Đơn vị: đồng*

STT	Mã hiệu	Tên vật tư	Nhóm gốc	Nhóm TT05	Đơn vị	Khối lượng	Giá gốc	Giá hiện tại	Chênh lệch	Tổng chênh
1	N0006	Nhân công bậc 3,0/7	Nhóm 1	Nhóm 1	công	168,1223	170.308	178.615	8.307	1.396.592
2	N0015	Nhân công bậc 3,5/7	Nhóm 1	Nhóm 2	công	1.328,5200	185.683	219.135	33.452	44.441.651
3	N0011	Nhân công bậc 4,0/7	Nhóm 1	Nhóm 1	công	3.977,4662	201.058	210.865	9.807	39.007.011
4	N0020	Nhân công bậc 4,0/7	Nhóm 1	Nhóm 2	công	61,4016	201.058	236.500	35.442	2.176.196
5	N0013	Nhân công bậc 4,5/7	Nhóm 1	Nhóm 1	công	429,7370	219.192	229.885	10.693	4.595.178
		<b>Cộng nhân công:</b>								<b>91.616.628</b>

0

0

## BẢNG TỔNG HỢP MÁY THI CÔNG VÀ CHÊNH LỆCH GIÁ

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO SỬA CHỮA ĐƯỜNG TRẦN HUNG ĐẠO ĐOẠN TỪ ĐỀN CHÍN GIỀNG ĐỀN ĐƯỜNG NGUYỄN ĐỨC CẢNH

Đơn vị: đồng

STT	Mã hiệu	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Giá gốc	Giá thông báo	Bù giá	Giá hiện tại	Chênh lệch	Tổng chênh
1	M0969	Búa cần nén khí	ca	607,6200	207.721	207.721	9.807	217.528	9.807	5.958.929
2	M9657	Đầm bánh thép tự hành - trọng lượng: 10 T	ca	6,2818	772.863	772.863	-41.567	731.296	-41.567	-261.116
3	M9521	Máy cắt uốn cốt thép - công suất: 5 KW	ca	5,2976	202.614	202.614	8.307	210.921	8.307	44.007
4	M71591	Máy đầm bê tông, đầm bàn - công suất: 1 KW	ca	187,9680	191.348	191.348	8.307	199.655	8.307	1.561.450
5	M112.1302	Máy đầm bê tông, đầm dùi - công suất: 1,5	ca	187,9680	199.704	199.704	8.307	208.011	8.307	1.561.450
6	M71584	Máy đào <=1,25 m3	ca	8,9945	2.562.308	2.562.308	-140.501	2.421.807	-140.501	-1.263.736
7	M0992	Máy lu bánh lốp 16T (đầm bánh hơi)	ca	11,3042	1.097.644	1.097.644	-63.508	1.034.136	-63.508	-717.907
8	M71556	Máy lu rung 25 T	ca	6,2818	1.957.573	1.957.573	-122.579	1.834.994	-122.579	-770.017
9	M9538	Máy nén khí, động cơ diesel - năng suất: 360 m3/h	ca	315,9624	835.243	835.243	-59.350	775.893	-59.350	-18.752.368
10	M71562	Máy rải cấp phối đá dăm - năng suất: 50 - 60 m3/h	ca	2,9756	2.648.899	2.648.899	-39.393	2.609.506	-39.393	-117.218
11	M71565	Máy san tự hành - công suất: 110 CV	ca	1,2595	1.509.813	1.509.813	-57.177	1.452.636	-57.177	-72.014
12	M9556	Máy trộn bê tông - dung tích: 500 lít	ca	200,6400	375.626	375.626	9.807	385.433	9.807	1.967.676
13	M71595	Máy ủi - công suất: <=110 CV	ca	1,9707	1.456.097	1.456.097	-71.008	1.385.089	-71.008	-139.935
14	M9579	Máy ủi - công suất: 110 CV	ca	6,6125	1.456.097	1.456.097	-71.008	1.385.089	-71.008	-469.540
15	M9642	Ô tô tự đổ - trọng tải: 22 T	ca	65,0917	1.822.111	1.822.111	-138.914	1.683.197	-138.914	-9.042.148
16	M106.0502	Ô tô tưới nước - dung tích: 5,0 m3	ca	6,2818	865.860	865.860	-33.715	832.145	-33.715	-211.791
17	M0111	Máy khác	%							243.631
		<b>Cộng Máy:</b>								<b>-20.480.647</b>



0

0



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BÌM SƠN

Số /PA.UBND  
(Dự thảo PA2)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bim Sơn, ngày tháng 5 năm 2017.

## PHƯƠNG ÁN

**Thực hiện sửa chữa cải tạo đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đèn Chín Giếng đến đường Nguyễn Đức Cảnh).**

### 1. Lý do và sự cần thiết:

Tuyến đường Trần Hưng Đạo từ Quốc lộ 1A đến đường Lê Lợi có chiều dài khoảng 5,0km, trong đó:

+ Đoạn từ Quốc lộ 1A đến Đèn Chín Giếng đã được Công ty CP Xi măng Bim Sơn và UBND thị xã Bim Sơn thực hiện cải tạo năm 2014 với chiều dài 865m, chất lượng mặt đường hiện trạng tốt.

+ Đoạn từ Đèn Chín Giếng đến đường Nguyễn Đức Cảnh có chiều dài khoảng 1500m, có chiều rộng mặt đường 8,2m. Hiện nay mặt đường đã xuống cấp nghiêm trọng, các tấm bê tông xi măng đã bị lún, nứt, gãy, tạo thành các ổ trâu, ổ voi,... chất lượng mặt đường kém, gây nguy hiểm cho người và phương tiện khi tham gia giao thông qua đoạn đường này. Đoạn đường này đang tiếp tục có hiện tượng xuống cấp và sẽ không thể tiếp tục sử dụng nếu không có biện pháp cải tạo sửa chữa kịp thời.

+ Đoạn từ đường Nguyễn Đức Cảnh đến đường Lê Lợi dài khoảng 2635m, mặt đường BTXM rộng 8,0m; chất lượng mặt đường ở mức trung bình, đảm bảo giao thông.

Từ hiện trạng, trên việc đầu tư nâng cấp sửa chữa cải tạo đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đèn Chín Giếng đến đường Nguyễn Đức Cảnh) là cần thiết và cấp bách hiện nay.

### 2. Đề xuất các phương án thực hiện sửa chữa cải tạo:

#### 2.1. Sơ bộ hiện trạng đoạn tuyến:

Đoạn từ Đèn Chín Giếng đến đường Nguyễn Đức Cảnh có chiều dài khoảng 1500m, có chiều rộng mặt đường 8,2m. Mặt đường kết cấu BTXM chiều dày: 26,0cm, gồm có khoảng 550 tấm bê tông (theo bố trí khe co giãn, mỗi tấm có kích thước: 6,0m x 4,1m), qua khảo sát trên đoạn tuyến có khoảng 160 tấm bê tông còn sử dụng được chủ yếu tại đoạn phía trước khu vực công ty Tiên nông (mới chỉ vỡ góc, chưa bị lún, vỡ gãy tạo thành ổ trâu, ổ voi), còn khoảng 390 tấm đã bị lún, nứt vỡ gãy (bao gồm cả tấm đã nứt đôi, đường nứt rộng cần phải xử lý

nếu không sẽ dẫn đến hư hỏng cho cả tuyến đường) cần phải bóc dỡ xử lý, cải tạo, sửa chữa lại.

Diện tích phải sửa chữa lại là:  $390*6*4,1=9.594 \text{ m}^2$ . (tương đương với 1200m)

## **2.2. Phương án sửa chữa cải tạo:**

a) Các tiêu chuẩn áp dụng:

TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế.

TCVN 8858:2011 Móng cấp phối đá dăm và cấp phối thiên nhiên gia cố xi măng trong kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm thu.

TCVN 8859:2011 Móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu.

TCVN 9436:2012 Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu

TCVN3105:1993 ÷ TCVN3120:1993 Bê tông nặng - Các phương pháp xác định chỉ tiêu cơ lý;

Quyết định số 3230/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Ban hành quy định tạm thời về thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nổi trong xây dựng công trình giao thông

b) Phương án sửa chữa cải tạo:

Tính toán cho loại đường với cấp quy mô giao thông nặng theo QĐ 3230/QĐ-BGTVT (tương đương với quy mô TK đoạn từ Trạm Bơm đến Đền Chín Giếng công ty XMBS đã sử dụng và Quy mô đường từ QL 1A đến nhà máy XM Long Sơn).

Lựa chọn kết cấu:

+ Móng cấp phối đá dăm lớp dưới dày 15cm,

+ Lớp cấp phối đá dăm có gia cố 5% xi măng lớp trên 20cm.

+ Mặt đường BTXM dày 26cm, mác 350.

(Thép truyền lực dùng loại fi 35)

*Phải đào bỏ xử lý phần đất nền đường đã bị lún hỏng do mặt đường hỏng và ngâm nước lâu ngày.*

**Khái toán chi phí thực hiện các hạng mục: 8.101.050.000 đồng.**

*(có chi tiết kèm theo)*

*Ghi chú: Kinh phí thực hiện trên là khái toán theo phương án sơ bộ, khi thực hiện sẽ có khảo sát chi tiết hơn và có phương án xử lý tiết kiệm nhất để giảm chi phí đầu tư.*

## **2.3. Tổ chức thực hiện:**

a) Giải pháp thực hiện:

Đây là tuyến đường chuyên dùng do Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn quản lý, trước đây chủ yếu phục vụ cho hoạt động vận tải của Nhà máy Xi măng

Bim Son. Tuy nhiên, trong những năm vừa qua nhiều doanh nghiệp đã có hoạt động vận chuyển trên tuyến đường này để vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu phục sản xuất và vận chuyển sản phẩm hàng hóa đi tiêu thụ; góp phần làm xuống cấp nhanh của tuyến đường. Hiện nay, toàn bộ hoạt động vận tải của Công ty xi măng Bim Son đã chuyển sang tuyến đường mới ( đường do Công ty XM Bim Son đầu tư từ những năm trước, hiện nay đã được Tỉnh đầu tư nâng cấp); đồng thời hoạt động vận chuyển của nhiều doanh nghiệp đã chuyển sang đi đường mới.

Tuyến đường Trần Hưng Đạo sẽ được bàn giao cho Thị xã quản lý và chịu trách nhiệm đầu tư nâng cấp và duy tu bảo dưỡng. Trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2-21 của Tỉnh và Thị xã, tuyến đường này không có trong danh mục đầu tư. Do vậy, để đảm bảo giao thông cho nhân dân thị xã trên tuyến đường này trong những năm tới, khi ngân sách nhà nước chưa cân đối được cho đầu tư tuyến đường này; UBND Thị xã lập phương án đầu tư và dự thảo phương án huy động vốn đóng góp của các doanh nghiệp doanh nghiệp có sử dụng tuyến đường trên, cùng chung tay thực hiện cải tạo sửa chữa.

Tùy thuộc vào mức độ sử dụng tuyến đường theo báo cáo khảo sát sơ bộ của UBND các xã phường, phòng Quản lý đô thị, phòng kinh tế và công an thị xã, UBND thị xã Bim Son dự kiến đề nghị các đơn vị sau đây có mức đóng góp để sửa chữa:

STT	Doanh nghiệp có sử dụng tuyến đường	Tỷ lệ đóng góp	Ghi chú
1	Công ty CP xi măng Bim Son	18%	
2	Nhà máy Xi măng Long Sơn	18%	
3	Công ty Cổ phần SXTM Lam Sơn	6%	
4	Công ty Gạch VIGLACERA	6%	
5	Công ty Huệ Anh	3%	
6	Công ty VauDe	3%	
7	Công ty CP Công nông nghiệp Tiến Nông	13%	Sẽ tiếp tục dùng trong thời gian dài do đó mức đóng góp cao hơn các đơn vị khác sẽ sử dụng đường Trần Nhân Tông (ít sử dụng đường Trần Hưng Đạo)
8	Công ty CP Bao Bì Bim Son	4%	
9	Công ty Quế Sơn	3%	

10	Doanh nghiệp Hồng Phượng	3,8%	
11	Công ty Trường Giang	2,5%	
12	Công ty Phú Quang	2%	
13	Công ty Gia Phát	2,7%	
14	Doanh nghiệp Hương Yên	2%	
15	Doanh nghiệp Gia Long	2%	
16	Công ty Đức Cường	3%	
17	Doanh nghiệp Tiên Hà	2,5%	
18	Doanh nghiệp Hiền Cường	2%	
19	Công ty 405 (sx bê tông)	2%	
20	Công ty Việt Thắng	2%	Thuê lại của Quang Vinh sản xuất

\* Các đơn vị trên là những đơn vị có sử dụng tuyến đường để vận chuyển nguyên vật liệu vào sản xuất và hàng hóa xuất đi qua tuyến đường.

Trên cơ sở đó, dự kiến phương án huy động thực hiện như sau:

**Bảng phương án huy động nguồn lực thực hiện**

STT	Doanh nghiệp có sử dụng tuyến đường	Tỷ lệ đóng góp	Kinh phí đóng góp bằng tiền	Phương án huy động vật liệu sẵn có và tiền	
				Đóng góp bằng vật liệu	Tiền
1	Công ty CP xi măng Bim Sơn	18%	1.458.189.000	558 tấn XM PC40	694.171.288
2	Nhà máy Xi măng Long Sơn	18%	1.458.189.000	558 tấn XM PC40	694.171.288
3	Công ty Cổ phần SXTM Lam Sơn	6%	486.063.000		486.063.000
4	Công ty Gạch VIGLACERA	6%	486.063.000		486.063.000
5	Công ty Huệ Anh	3%	243.031.500		243.031.500
6	Công ty VauDe	3%	243.031.500		243.031.500
7	Công ty CP Công nông nghiệp Tiên Nông	13%	1.053.136.500		1.053.136.500
8	Công ty CP Bao Bì Bim Sơn	4%	324.042.000		324.042.000
9	Công ty Quế Sơn	3%	243.031.500	1550m3 đá 1x2	-

10	Doanh nghiệp Hồng Phụng	3,8%	320.042.000	2964m <sup>3</sup> đá cấp phối	-
11	Công ty Trường Giang	2,5%	175.000.000	16,5 tấn thép	-
12	Công ty Phú Quang	2%	162.021.000		162.021.000
13	Công ty Gia Phát	2,7%	218.031.500	670m <sup>3</sup> đá 1x2 +630 m <sup>3</sup> cấp phối đá dăm	-
14	Doanh nghiệp Hương Yên	2%	162.021.000		162.021.000
15	Doanh nghiệp Gia Long	2%	162.021.000		162.021.000
16	Công ty Đức Cường	3%	243.031.500		243.031.500
17	Doanh nghiệp Tiến Hà	2,5%	175.000.000	16,5 tấn thép	-
18	Doanh nghiệp Hiền Cường	2%	162.021.000		162.021.000
19	Công ty 405 (sx bê tông)	2%	162.021.000		162.021.000
20	Công ty Việt Thắng	2%	162.021.000		162.021.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>8.102.008.000</b>		<b>5.438.867.576</b>

**b) Hình thức thực hiện:**

Các đơn vị sử dụng chung tuyến đường được dự kiến huy động thực hiện trên có thể đóng góp kinh phí bằng tiền hoặc đóng góp bằng vật liệu để thực hiện. Trong các đơn vị trên, nếu đơn vị nào có đủ năng lực thực hiện thi công thì đảm nhiệm thi công trực tiếp hoặc thuê 1 đơn vị nhà thầu trên địa bàn thị xã Bim Sơn thực hiện và các đơn vị liên quan tham gia giám sát quá trình thực hiện.

Với hình thức này có thể tiết kiệm tối đa các chi phí liên quan: Chi phí quản lý dự án, chi phí giám sát, chi phí bảo hiểm, chi phí hạng mục chung, chi phí kiểm toán, quyết toán, và một vài thành phần trong chi phí xây dựng (nhà thầu sẽ thi công xây dựng trên tinh thần ủng hộ, được cung cấp vật liệu và ứng tiền để thực hiện), dự kiến chi phí sẽ giảm khoảng 20%. Tức là tổng chi phí khái toán thực hiện còn khoảng: 6.480.000.000 đồng;

Vậy dự kiến huy động thực tế sẽ là:

**Bảng phương án huy động nguồn lực thực hiện**

STT	Doanh nghiệp có sử dụng tuyến đường	Tỷ lệ đóng	Kinh phí đóng góp bằng tiền	Phương án huy động vật liệu sẵn có và tiền
-----	-------------------------------------	------------	-----------------------------	--

		góp		Đóng góp bằng vật liệu	Tiền
1	Công ty CP xi măng Bim Sơn	18%	1.166.400.000	558 tấn XM PC40	402.382.288
2	Nhà máy Xi măng Long Sơn	18%	1.166.400.000	558 tấn XM PC40	402.382.288
3	Công ty Cổ phần SXTM Lam Sơn	6%	388.800.000		388.800.000
4	Công ty Gạch VIGLACERA	6%	388.800.000		388.800.000
5	Công ty Huệ Anh	3%	194.400.000		194.425.200
6	Công ty VauDe	3%	194.400.000		194.425.200
7	Công ty CP Công nông nghiệp Tiến Nông	13%	842.400.000		842.400.000
8	Công ty CP Bao Bì Bim Sơn	4%	259.233.600		259.233.600
9	Công ty Quê Sơn	3%	194.425.200	1550m <sup>3</sup> đá 1x2	-
10	Doanh nghiệp Hồng Phượng	3,80%	256.033.600	2964m <sup>3</sup> đá cấp phối	-
11	Công ty Trường Giang	2,50%	140.000.000	12,7 tấn thép	-
12	Công ty Phú Quang	2%	129.616.800		129.616.800
13	Công ty Gia Phát	2,70%	174.425.200	670m <sup>3</sup> đá 1x2 +504m <sup>3</sup> cấp phối đá dăm	-
14	Doanh nghiệp Hương Yên	2%	129.616.800		129.616.800
15	Doanh nghiệp Gia Long	2%	129.616.800		129.616.800
16	Công ty Đức Cường	3%	194.425.200		194.425.200
17	Doanh nghiệp Tiến Hà	2,50%	140.000.000	12,7 tấn thép	-
18	Doanh nghiệp Hiền Cường	2%	129.616.800		129.616.800
19	Công ty 405 (sx bê tông)	2%	129.616.800		129.616.800
20	Công ty Việt Thắng	2%	129.616.800		129.616.800
	<b>Tổng cộng</b>		<b>6.478.406.400</b>	<b>0</b>	<b>4.184.102.400</b>

UBND thị xã Bim Sơn xây dựng phương án Thực hiện sửa chữa cải tạo đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đền Chín Giếng đến đường Nguyễn Đức Cảnh)

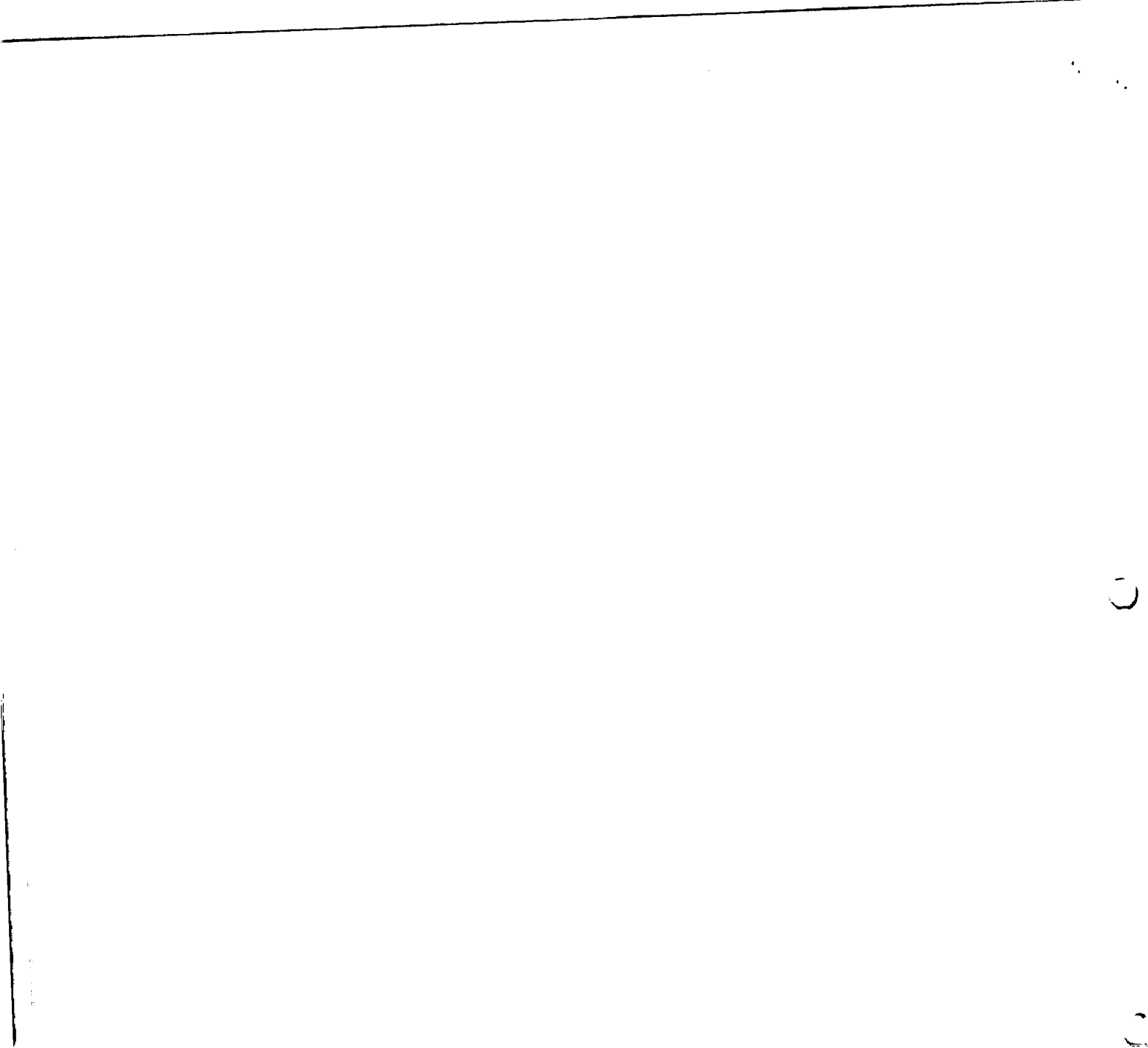
đề nghị các đồng chí lãnh đạo các cơ quan, đơn vị nghiên cứu và góp ý kiến vào Phương án. UBND thị xã sẽ tổ chức Hội nghị mời Lãnh đạo các doanh nghiệp (dự kiến tổ chức cuối tháng 5 hoặc đầu tháng 6/2017) để cùng nhau thảo luận phương án tốt nhất, có tính khả thi nhất./.

**Nơi nhận:**

- Các đơn vị có danh sách trên;
- Các phòng: QLĐT, TNMT,KT, TCKH
- Công an thị xã;
- UBND các phường: Bắc Sơn, Ba Đình.
- Lưu;

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Huy Hùng**

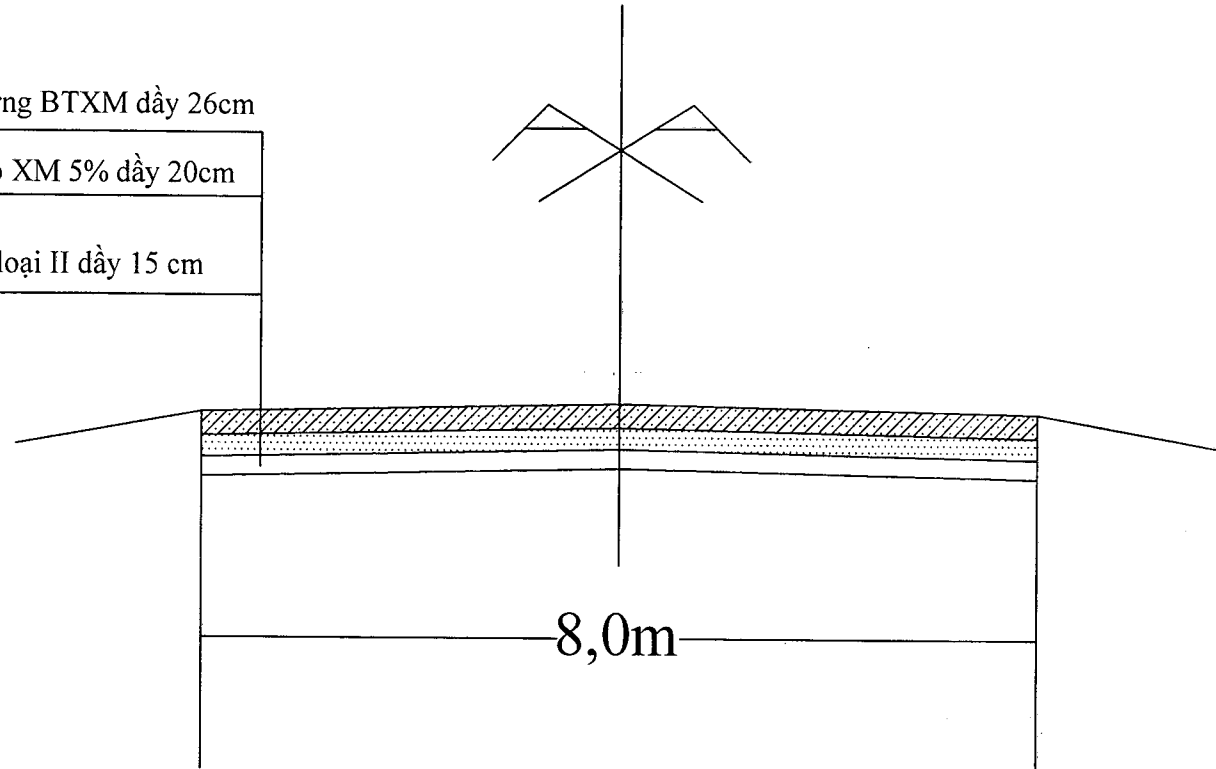




C

C

Lớp mặt đường BTXM dày 26cm  
Lớp móng CPĐD loại I gia cố XM 5% dày 20cm  
Lớp móng CPĐD loại II dày 15 cm



8,0m

KẾT CẤU ĐIỂN HÌNH SỬA CHỮA  
ĐƯỜNG TRẦN HUNG ĐẠO (PA2)



## BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (PA.2)

(Căn cứ theo bảng 1.1 TT 06/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016)

**CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO NÂNG CẤP ĐƯỜNG TRẦN HƯNG ĐẠO (ĐOẠN TỪ ĐÈN CHÍN GIẾNG ĐẾN ĐƯỜNG NGUYỄN ĐỨC CẢNH)**

*Đơn vị tính: đồng*

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư							
2	Chi phí xây dựng							Ggpm
2.1	Chi phí xây dựng công trình chính				6.291.429.653	629.142.965	6.920.572.618	Gxd
	Hạng mục 1			Theo bảng tổng hợp dự toán chi phí XD	6.291.429.653	629.142.965	6.920.572.618	
				Theo bảng tổng hợp chi phí TB	6.291.429.653	629.142.965	6.920.572.618	
3	Chi phí thiết bị							
4	Chi phí quản lý dự án	2,259%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	142.123.396	14.212.340	156.335.736	Gtda
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng							
5.3	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	2,224%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	301.107.823	30.110.783	331.218.606	Gtv
5.13	Chi phí giám sát thi công xây dựng	2,562%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	139.921.395	13.992.140	153.913.535	
6	Chi phí khác							
6.1	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ				161.186.428	16.118.643	177.305.071	
6.2	Chi phí bảo hiểm công trình				276.183.988	27.618.398	303.802.386	Gk
6.3	Chi phí hạng mục chung	0,3%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	18.874.289	1.887.429	20.761.718	
				Theo bảng tổng hợp chi phí hạng mục chung	251.657.186	25.165.718	276.822.904	
6.5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Thông tư 09/2016/TT-BTC)	0,95%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ			3.356.180	
6.6	Chi phí kiểm toán độc lập (Thông tư 09/2016/TT-BTC)	1,6%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	5.652.513	565.251	6.217.764	
7	Chi phí dự phòng							
7.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	5%		(Gxd+Gtb+Gtda+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ			385.764.276	Gdp
	<b>Tổng cộng</b>						385.764.276	
	<b>Làm tròn</b>				7.010.844.860	701.084.486	8.101.049.802	Gxdct
							8.101.050.000	

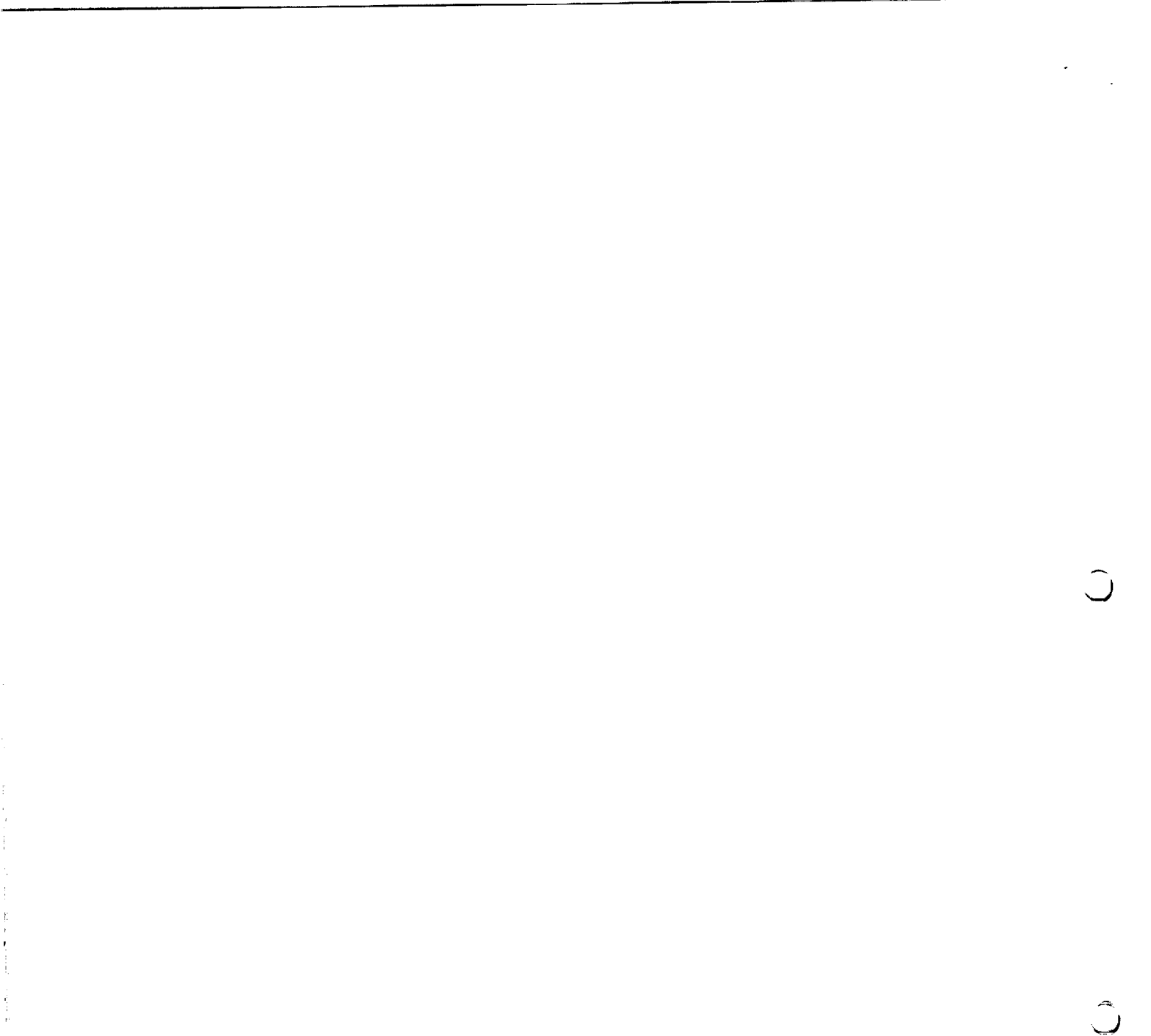


## BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ HẠNG MỤC CHUNG (PA.2)

(Căn cứ theo bảng 2.3 TT 06/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016)

**CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO NÂNG CẤP ĐƯỜNG TRẦN HUNG ĐẠO (ĐOẠN TỪ ĐÈN CHÍN GIÉNG ĐẾN ĐƯỜNG NGUYỄN ĐỨC CẢNH)**

STT	HẠNG MỤC CHUNG	TỶ LỆ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công		125.828.593	12.582.859	138.411.452	Cnt
1.1	Hạng mục 1	2%	125.828.593	12.582.859	138.411.452	
2	Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế		125.828.593	12.582.859	138.411.452	Ckkl
2.1	Hạng mục 1	2%	125.828.593	12.582.859	138.411.452	
	<b>Tổng cộng</b>		251.657.186	25.165.718	276.822.904	Chmc



**BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN HẠNG MỤC (PA.2)**

**CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO NÂNG CẤP ĐƯỜNG TRẦN HƯNG ĐẠO (ĐOẠN TỪ ĐỀN CHÍN GIỀNG ĐẾN ĐƯỜNG NGUYỄN ĐỨC CẢNH)**

**HẠNG MỤC: NỀN MẶT ĐƯỜNG**

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	<b>Chi phí vật liệu</b>	<b>(VLG + CLVL)</b>	<b>3.324.185.504</b>	<b>VL</b>
	- Đơn giá vật liệu gốc	Theo bảng tính toán, đo bóc khối lượng công trình	3.363.070.543	VLG
	- Chênh lệch giá vật liệu	Theo bảng tổng hợp vật liệu và chênh lệch giá	-38.885.039	CLVL
2	<b>Chi phí nhân công</b>	<b>BNC</b>	<b>1.529.548.934</b>	<b>NC</b>
	- Đơn giá nhân công gốc	Theo bảng tính toán, đo bóc khối lượng công trình	1.415.211.820	NCG
	- Chênh lệch giá nhân công	Theo bảng tổng hợp nhân công và chênh lệch giá	114.337.114	CLNC
	- Hệ số điều chỉnh nhân công	$(NCG + CLNC) \times 1$	1.529.548.934	BNC
3	<b>Chi phí máy thi công</b>	<b>BM</b>	<b>772.152.759</b>	<b>M</b>
	- Đơn giá máy thi công gốc	Theo bảng tính toán, đo bóc khối lượng công trình	790.929.745	MG
	- Chênh lệch giá máy thi công	Theo bảng tổng hợp máy thi công và chênh lệch giá	-18.776.986	CLM
	- Hệ số điều chỉnh máy thi công	$(MG + CLM) \times 1$	772.152.759	BM
	<b>Chi phí trực tiếp</b>	<b>VL + NC + M</b>	<b>5.625.887.197</b>	<b>T</b>
II	CHI PHÍ CHUNG	$T \times 5,5\%$	309.423.796	C
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	$(T + C) \times 6\%$	356.118.660	TL
	<b>Chi phí xây dựng trước thuế</b>	<b>T + C + TL</b>	<b>6.291.429.653</b>	<b>G</b>
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	$G \times 10\%$	629.142.965	GTGT
	<b>Chi phí xây dựng sau thuế</b>	<b>G + GTGT</b>	<b>6.920.572.618</b>	<b>Gxd</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>Gxd</b>	<b>6.920.572.618</b>	
	<b>Làm tròn</b>		<b>6.920.573.000</b>	
<i>Sáu tỷ, chín trăm hai mươi triệu, năm trăm bảy ba nghìn đồng</i>				

...., ngày .... tháng .... năm .....





**BẢNG TÍNH TOÁN, ĐO BÓC KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH (PA.2)**  
**CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO NÂNG CẤP ĐƯỜNG TRẦN HƯNG ĐẠO (ĐOẠN TỪ ĐÈN CHÍN GIÉNG ĐẾN ĐƯỜNG NGUYỄN ĐỨC CẢNH)**  
**HẠNG MỤC: NỀN MẶT ĐƯỜNG**

STT	Mã hiệu công tác	Danh mục công tác đo bóc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá			Thành tiền		
					Vật liệu	Nhân công	Máy thi công	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
1	AA.22112	Phá dỡ kết cấu bê tông không cốt thép, búa căn (95% khối lượng) $1200*0,26*8,2*0,95 = 2.430,48$	m3	2.430,48		92.842	160.512		225.650.624	390.121.206
2	AB.31134	Phá dỡ kết cấu bê tông mặt đường bằng máy đào (5%KL) $1200*0,26*8,2*0,05/100 = 1,2792$	100m3	1,28		1.144.470	1.184.270		1.464.006	1.514.918
3	AB.31133	Đào nền đường, máy đào $\leq 1,25$ m3, máy ủi $\leq 110$ CV, đất C3 (tạm tính 80% phải xử lý theo mặt đường) $((1200*0,8)*0,35*8,2)/100 = 27,552$	100m3	27,55		986.083	885.643		27.168.559	24.401.236
4	AB.41454	Vận chuyển đất, ô tô 22T tự đổ, phạm vi = 1000 m, đất C4 $(2558,4+2755,2)/100 = 53,136$	100m3	53,14			1.024.026			54.412.646
5	AB.42254	Vận chuyển đất 1000 m tiếp theo, ô tô 22T, cự ly = 3km, đất C4 $53,136 = 53,136$	100m3/1 km	53,14			1.208.061			64.191.529
6	AD.11212	Làm móng cấp phối đá dăm lớp dưới đường làm mới dày 15cm $1200*0,8*0,15*8,2/100 = 11,808$	100m3	11,81	20.164.000	784.126	1.870.071	238.096.512	9.258.960	22.081.798
7	AD.12330	Làm lớp móng cấp phối đá dăm gia cố xi măng, trạm trộn 50m3/h, tỷ lệ xi măng 5% (dày 25cm) dày 20cm $1200*0,8*0,2*8,2/100 = 15,744$	100m3	15,74	40.407.193	5.836.714	2.987.263	636.170.847	91.893.225	47.031.469
8	AL.16210	Rải giấy dầu lớp cách ly $1200*8,0/100 = 96$	100m2	96,00	673.344	219.106		64.641.024	21.034.176	
9	AF.69210	Sản xuất thanh truyền lực, thanh truyền lực khe co, giãn f35 (6m/1khe; 1khe 9md thép) $1800*8,33/1000 = 14,994$	tấn	14,99	11.958.818	7.649.801	68.078	179.310.517	114.701.116	1.020.762

C

C

STT	Mã hiệu công tác	Danh mục công tác đo bóc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá			Thành tiền		
					Vật liệu	Nhân công	Máy thi công	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
10	AF.69220	Sản xuất thanh truyền lực khe dọc (thanh sắt dài 50cm, bố trí khoảng 30cm 1 thanh) $1200/0,3*0,5*8,33/1000 = 16,66$	tán	16,66	11.395.858	5.348.285	85.098	189.854.994	89.102.428	1.417.733
11	AF.15425	Bê tông mặt đường SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, dày 26cm, M350, PC40, đá 1x2 $1200*0,26*8 = 2.496$	m3	2.496,00	813.710	327.725	74.013	2.031.020.160	818.001.600	184.736.448
12	AF.81211	Ván khuôn gỗ nền, sân bãi, mặt đường bê tông, $1200*0,26*2/100 = 6,24$	100m2	6,24	3.842.386	2.714.283		23.976.489	16.937.126	
	THM	<b>TỔNG HẠNG MỤC</b>						<b>3.363.070.543</b>	<b>1.415.211.820</b>	<b>790.929.745</b>

C

C

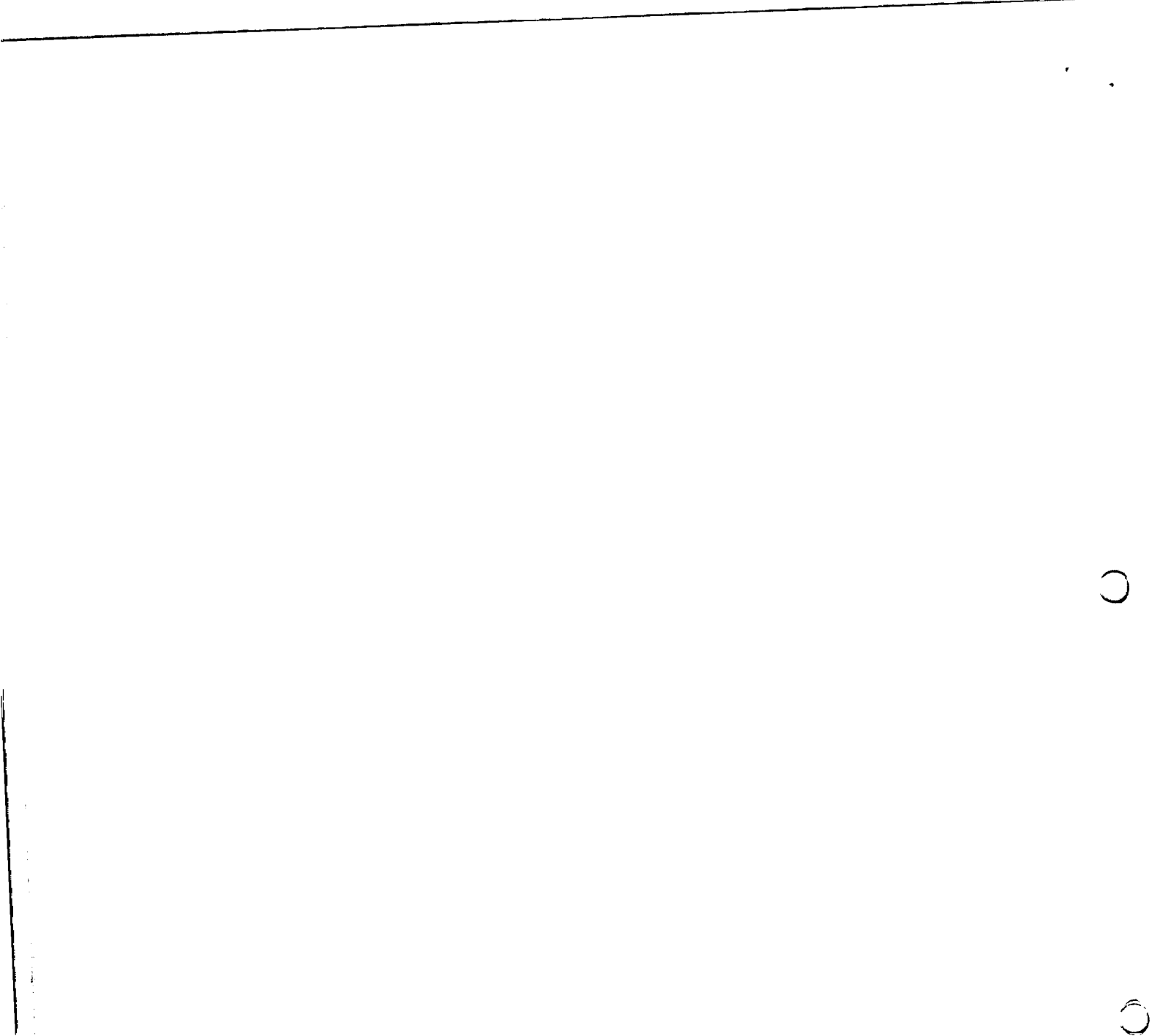
## BẢNG TỔNG HỢP MÁY THI CÔNG VÀ CHÊNH LỆCH GIÁ

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO NÂNG CẤP ĐƯỜNG TRẦN HƯNG ĐẠO (ĐOẠN TỪ ĐỀN CHÍN GIẾNG ĐẾN ĐƯỜNG NGUYỄN ĐỨC CẢNH)

HẠNG MỤC: NỀN MẶT ĐƯỜNG

Đơn vị: đồng

STT	Mã hiệu	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Giá gốc	Giá thông báo	Bù giá	Giá hiện tại	Chênh lệch	Tổng chênh
1	M0969	Búa cần nén khí	ca	607,6200	207.721	207.721	9.807	217.528	9.807	5.958.929
2	M9657	Đầm bánh thép tự hành - trọng lượng: 10 T	ca	2,4797	772.863	772.863	-41.567	731.296	-41.567	-103.074
3	M9521	Máy cắt uốn cốt thép - công suất: 5 KW	ca	11,4621	202.614	202.614	8.307	210.921	8.307	95.216
4	M0196	Máy đầm bánh lốp 16T	ca	6,2031	1.097.644	1.097.644	-63.508	1.034.136	-63.508	-393.946
5	M71591	Máy đầm bê tông, đầm bàn - công suất: 1 KW	ca	222,1440	191.348	191.348	8.307	199.655	8.307	1.845.350
6	M112.1302	Máy đầm bê tông, đầm dùi - công suất: 1,5 KW	ca	222,1440	199.704	199.704	8.307	208.011	8.307	1.845.350
7	M71584	Máy đào <=1,25 m3	ca	8,9945	2.562.308	2.562.308	-140.501	2.421.807	-140.501	-1.263.736
8	M0992	Máy lu bánh lốp 16T (đầm bánh hơi)	ca	4,0147	1.097.644	1.097.644	-63.508	1.034.136	-63.508	-254.966
9	M71555	Máy lu bánh thép 10 T	ca	3,1016	772.863	772.863	-41.567	731.296	-41.567	-128.924
10	M71556	Máy lu rung 25 T	ca	5,5813	1.957.573	1.957.573	-122.579	1.834.994	-122.579	-684.150
11	M9538	Máy nén khí, động cơ diesel - năng suất: 360 m3/h	ca	315,9624	835.243	835.243	-59.350	775.893	-59.350	-18.752.368
12	M71562	Máy rải cấp phối đá dăm - năng suất: 50 - 60 m3/h	ca	3,1016	2.648.899	2.648.899	-39.393	2.609.506	-39.393	-122.181
13	M71565	Máy san tự hành - công suất: 110 CV	ca	0,9446	1.509.813	1.509.813	-57.177	1.452.636	-57.177	-54.009
14	M9556	Máy trộn bê tông - dung tích: 500 lít	ca	237,1200	375.626	375.626	9.807	385.433	9.807	2.325.436
15	M71595	Máy ủi - công suất: <=110 CV	ca	1,9707	1.456.097	1.456.097	-71.008	1.385.089	-71.008	-139.935
16	M9579	Máy ủi - công suất: 110 CV	ca	4,9594	1.456.097	1.456.097	-71.008	1.385.089	-71.008	-352.157
17	M9642	Ô tô tự đổ - trọng tải: 22 T	ca	65,0917	1.822.111	1.822.111	-138.914	1.683.197	-138.914	-9.042.148
18	M106.0502	Ô tô tưới nước - dung tích: 5,0 m3	ca	2,4797	865.860	865.860	-33.715	832.145	-33.715	-83.603
19	M9609	Trạm trộn bê tông - năng suất: 50 m3/h	ca	8,0294	2.902.353	2.902.353	28.191	2.930.544	28.191	226.357
20	M0111	Máy khác	%							301.573
		<b>Cộng Máy:</b>								<b>-18.776.986</b>

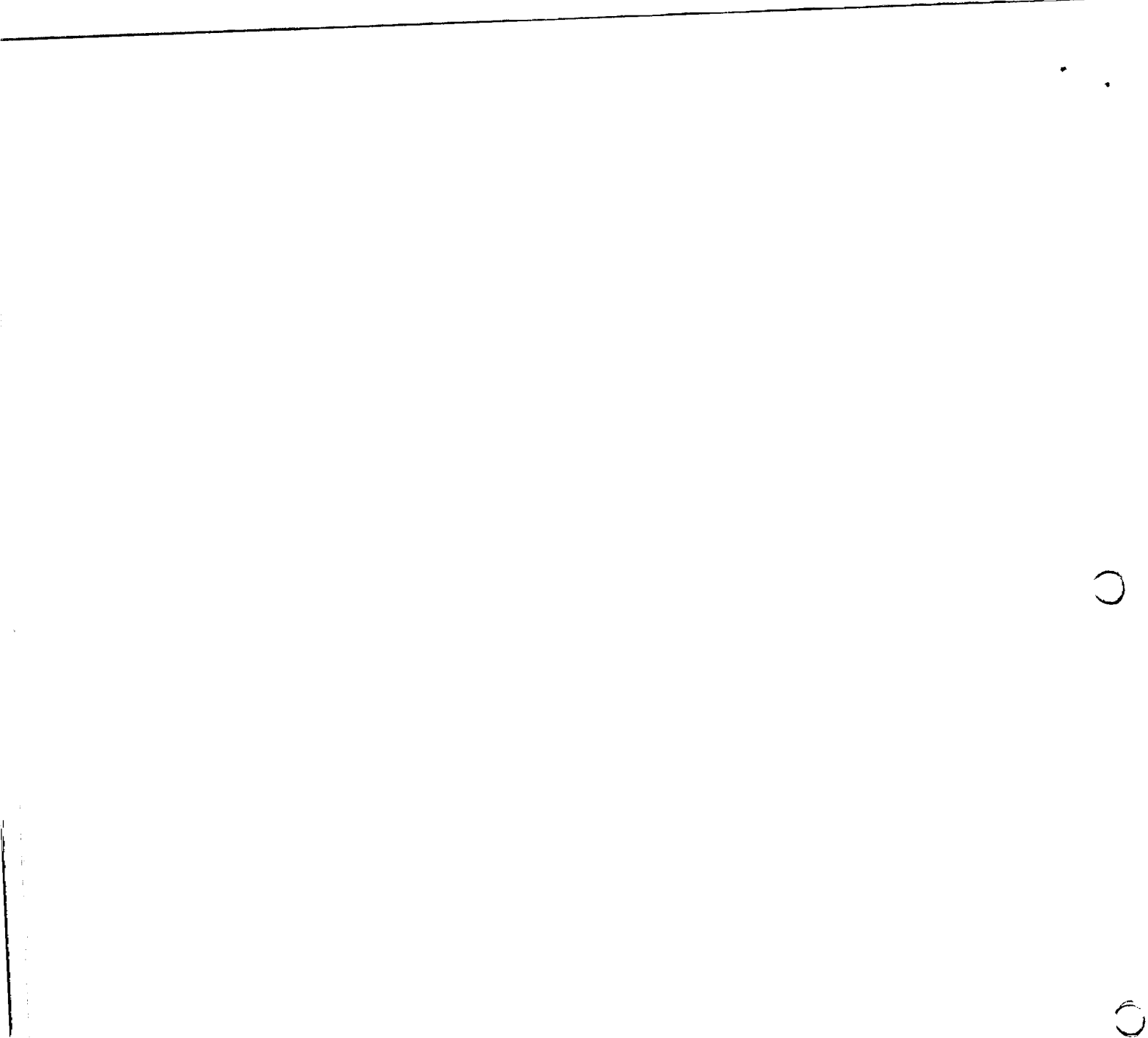


## BẢNG TỔNG HỢP NHÂN CÔNG VÀ CHÊNH LỆCH GIÁ

**CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO NÂNG CẤP ĐƯỜNG TRẦN HƯNG ĐẠO (ĐOẠN TỪ ĐỀN CHÍN GIẾNG ĐẾN ĐƯỜNG NGUYỄN ĐỨC  
HẠNG MỤC: NỀN MẶT ĐƯỜNG**

Đơn vị: đồng

STT	Mã hiệu	Tên vật tư	Nhóm gốc	Nhóm TT05	Đơn vị	Khối lượng	Giá gốc	Giá hiện tại	Chênh lệch	Tổng chênh
1	N0006	Nhân công bậc 3,0/7	Nhóm 1	Nhóm 1	công	168,1223	170.308	178.615	8.307	1.396.592
2	N0015	Nhân công bậc 3,5/7	Nhóm 1	Nhóm 2	công	1.328,5200	185.683	219.135	33.452	44.441.651
3	N0011	Nhân công bậc 4,0/7	Nhóm 1	Nhóm 1	công	4.152,7200	201.058	210.865	9.807	40.725.725
4	N0020	Nhân công bậc 4,0/7	Nhóm 1	Nhóm 2	công	503,0995	201.058	236.500	35.442	17.830.852
5	N0013	Nhân công bậc 4,5/7	Nhóm 1	Nhóm 1	công	929,7946	219.192	229.885	10.693	9.942.294
		<b>Cộng nhân công:</b>								<b>114.337.114</b>





**BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU VÀ CHÊNH LỆCH GIÁ**

**CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO NÂNG CẤP ĐƯỜNG TRẦN HUNG ĐẠO (ĐOẠN TỪ ĐÈN CHÍN GIÉNG ĐẾN ĐƯỜNG NGUYỄN ĐỨC  
HẠNG MỤC: NỀN MẶT ĐƯỜNG**

STT	Mã hiệu	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Giá gốc	Giá thông báo	Chênh lệch	Tổng chênh
1	V71327	Cấp phối đá dăm 0,075 - 50mm (lớp dưới)	m3	1.676,7360	142.000	110.000	-32.000	-53.655.552
2	V03460	Cấp phối đá dăm gia cố xi măng 5%	m3	2.022,9466	220.000	220.000		
3	V00112	Cát vàng	m3	1.169,1264	128.700	190.000	61.300	71.667.448
4	V05207	Đá 1x2	m3	2.230,9248	186.700	160.000	-26.700	-59.565.692
5	V00269	Giấy dầu	m2	10.752,0000	6.000	6.000		
6	V05604	Gỗ đà chống	m3	3,3696	2.954.545	3.100.000	145.455	490.125
7	V00395	Gỗ làm khe co dãn	m3	37,4400	5.000.000	3.100.000	-1.900.000	-71.136.000
8	V00402	Gỗ ván	m3	4,5864	2.954.545	3.100.000	145.455	667.115
9	V00492	Nhựa đường	kg	9.609,6000	13.650	11.124	-2.526	-24.273.850
10	V00494	Nước	lít	473.304,0000	6	6		
11	V71446	Thép tròn D<=18 mm	kg	16.993,2000	10.847	11.007	160	2.718.912
12	V71451	Thép tròn D>=18 mm	kg	15.743,7000	10.847	11.009	162	2.550.479
13	V00761	Xi măng PC40	kg	1.115.761,5360	1.163	1.245	82	91.492.446
14	V00750	Vật liệu khác	%					159.530
		<b>Cộng vật liệu:</b>						<b>-38.885.039</b>

(

)